

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 24/2023/HSST
Ngày: 25/5/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Sơn và Phạm Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS, ngày 28/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-QĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Thôn 8, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn H: 10/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Bùi Văn T (Đã chết); Con bà: Trần Thị M (Đã chết); Chồng: Nguyễn Xuân S và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/01/2023 đến ngày 05/02/2023 thì được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1969 – Trú tại: Thôn 5, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

2. Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1965 - Trú tại: Thôn 5, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

3. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991 - Trú tại: Thôn 5, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1990 - Trú tại: Thôn 5, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2020, anh Phạm Văn T có vay của Bùi Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và tự nguyện để lại nhà Bùi Thị T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA- NOUVO LX, màu S đỏ-đen để làm tin. Sau đó khoảng 10 ngày, vợ chồng bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S, là bố mẹ đẻ của anh Thanh đã đến nhà Bùi Thị T trao đổi với T để nhận nợ số tiền 10.000.000 đồng mà anh Thanh vay của T và xin lấy xe mô tô do anh Thanh để lại làm tin tại T về, thì được Bùi Thị T đồng ý. Đồng thời, vợ chồng ông S, bà H tiếp tục vay của Bùi Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với mục đích làm vốn nuôi trồng nấm ăn để kinh doanh, trong vòng 02 (hai) tháng với lãi suất thỏa thuận giữa hai bên. Khoảng 05 ngày sau, vì thiếu vốn kinh doanh nấm, vợ chồng ông S, bà H tiếp tục đến nhà Bùi Thị T vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận giữa hai bên.

Đến ngày 19/6/2020 (ngày 28/4/2020 âm lịch), do thiếu vốn kinh doanh nấm ăn nên hai vợ chồng ông S bà H tiếp tục đến nhà Bùi Thị T để vay số tiền 50.000.000 đồng. Tại lần vay tiền này, Bùi Thị T, vợ chồng ông S, bà H thống nhất gộp giấy vay nợ của 3 lần trước với lần này với tổng số tiền đã vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Ông S, bà H đã viết giấy vay tiền, không phải cầm cố thế chấp tài sản gì, trong giấy vay tiền không ghi tiền lãi suất cho vay, Bùi Thị T giữ giấy vay này. Mặc dù trong giấy vay tiền không ghi tiền lãi suất nhưng giữa Bùi Thị T, vợ chồng ông S, bà H thống nhất mức lãi suất là: 15.000.000 đồng/1 tháng/160.000.000 đồng tiền vay, tính từ ngày 05/6/2020 (Ngày 14/4/2020 âm lịch). Ông S, bà H hẹn sẽ trả tiền lãi và gốc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày vay.

Đến hạn trả tiền, ông S, bà H không trả cả tiền gốc và tiền lãi cho Bùi Thị T. Nên Bùi Thị T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông S, bà H trả tiền nợ, nhưng ông S, bà H không trả với lý do làm ăn thua lỗ, chưa có tiền trả. Do vậy, nhiều lần Bùi Thị T yêu cầu ông S, bà H viết giấy khát nợ, trong đó có ghi tiền lãi tính từ ngày 05/6/2020 (Ngày 14/4/2020 âm lịch) đến thời điểm mỗi lần viết giấy nhận nợ và khát nợ. Sau đó, nhiều lần vợ chồng bà H đến nhà Bùi Thị T trả nợ và cùng với Bùi Thị T tính toán số tiền cả gốc và lãi, hai bên thỏa thuận chốt nợ, viết giấy nhận nợ và hẹn thời gian trả nợ, các giấy tờ nhận nợ, khát nợ này đều do Bùi Thị T giữ.

Tính đến tháng 01 năm 2023 (Tháng 12/2022 âm lịch), vợ chồng ông S, bà H đã nhiều lần đến nhà Bùi Thị T trả tiền lãi suất cho Bùi Thị T với tổng số tiền lãi suất đã trả là 100.000.000 đồng. Cụ thể, trước ngày 19/5/2021 (Ngày 08/4/2021 âm lịch) trả 20.000.000 đồng; Tháng 12/2021 (Tháng 11/2021 âm lịch)

trả 20.000.000 đồng; Ngày 25/01/2022 (Ngày 23/12/2021 âm lịch) trả 20.000.000 đồng; Tháng 11/2022 trả 10.000.000 đồng; Ngày 26/11/2022 (Ngày 03/11/2022 âm lịch) trả 10.000.000 đồng; Tháng 12/2022 (Tháng 12/2022 âm lịch) trả 20.000.000 đồng. Còn số tiền vay gốc là 160.000.000 đồng ông S, bà H chưa trả cho Bùi Thị T.

Sau nhiều lần hỏi nợ, ông S bà H không có trả nên Bùi Thị T yêu cầu, nếu bà H, ông S không trả được thì phải tính đến phương án chuyển nhượng đất của ông S, bà H sang cho Bùi Thị T để trừ nợ. Do đó, ông S, bà H đã đồng ý chuyển nhượng thửa đất đứng tên anh Phạm Văn T (con trai ông S, bà H), nên Bùi Thị T yêu cầu anh Thanh cùng ký vào giấy chuyển nhượng đất và đã viết giấy chuyển nhượng đưa cho Bùi Thị T giữ nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Quá trình đòi nợ, vợ chồng ông S bà H không trả nên Bùi Thị T và ông Nguyễn Xuân S đã có những lời nói dọa nạt, gây sức ép đối với ông S, bà H để yêu cầu trả nợ.

Ngày 26 tháng 01 năm 2023, Bùi Thị T nhiều lần đến nhà yêu cầu ông S, bà H xuống nhà để trả nợ. Đến khoảng 21 giờ, ngày 26 tháng 01 năm 2023, bà Lê Thị H đến nhà Bùi Thị T để trả nợ. Tại nhà Bùi Thị T, bà H hỏi Bùi Thị T về việc hiện nay số tiền gốc và số tiền lãi tổng cộng là bao nhiêu thì Bùi Thị T đưa ra 01 tờ giấy có dòng kẻ bắt đầu bằng chữ “Thanh vay 10.000.000”, kết thúc bằng chữ “100.000.000” mà trước đó bà Bùi Thị T viết sẵn ra để ở bàn cho bà H xem và Bùi Thị T diễn giải nội dung ghi trên tờ giấy cho bà H biết, trong đó có nội dung Bùi Thị T tính lãi suất đối với số tiền vay 160.000.000 đ là 15.000.000đ/160.000.000đ tiền gốc/01 tháng, cụ thể là:

“1. Tính đến ngày 25/4/2021 (14/3/2021 âm lịch) là 12 tháng kể từ ngày vay, (vì có 2 tháng 4 nhuận): Tiền lời của 160.000.000đ (tiền gốc) là 180.000.000 đồng. Kể từ ngày 25/4/2021 (14/3/2021 AL) thì tiền gốc sẽ được tính bằng 160.000.000 đồng + 180.000.000 đồng = 340.000.000 đồng.

2. Từ ngày 25/4/2021 (14/3/2021 âm lịch) đến ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch) là 12 tháng: Tiền lời của 160.000.000 đồng tiền gốc ban đầu vẫn được tính bằng: 180.000.000 đồng; Tiền lời của 180.000.000 đồng tiền gốc mới phát sinh được tính là 9.000.000 đồng/1 tháng là 108.000.000 đồng.

Kể từ ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch): Tiền gốc được tính là: 160.000.000 + 180.000.000 + (96.000.000 + 12.000.000) = 448.000.000 đồng. So với thời điểm vay ban đầu thì tiền gốc tăng lên 288.000.000 đồng.

3. Từ ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch) đến ngày 21/01/2023 (30/12/2022 âm lịch) là 9,5 tháng: Tiền lời của 160.000.000 đồng tiền gốc ban đầu được tính bằng: 135.000.000 đồng; Tiền lời của tiền gốc 288.000.000 đồng được tính lãi suất là 5%/1 tháng tức là 14.400.000 đ/1 tháng là 136.800.000 đồng nhưng Bùi Thị T chỉ tính là 136.000.000 đồng.

Như vậy, tổng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 05/6/2020 (14/4/2020 âm lịch) đến ngày 21/01/2023 (30/12/2022 âm lịch) là: 899.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu đồng)”.

Bùi Thị T và bà H thống nhất, bà H phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 799.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 639.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi chín triệu đồng) (vì trừ đi số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi đã trả). Lúc này, Bùi Thị T yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H nói chỉ có 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để trả tiền lãi trước và bà H đã trả cho Bùi Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Lúc này C an huyện A vào kiểm tra, lập biên bản, thu giữ các đồ vật tài liệu liên quan và đưa những người liên quan về trụ sở để làm việc.

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền cho vay, số tiền lãi Bùi Thị T đã tính toán và chốt nợ cụ thể như sau:

1. Đối với lãi của khoản vay gốc 160.000.000 đồng ban đầu:

1.1. Từ ngày 05/6/2020 (14/4/2020 âm lịch) đến ngày 25/4/2021 (14/3/2021 âm lịch) là: $15.000.000đ / \text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 180.000.000 \text{ đồng}$; Mức lãi suất cho vay là: $180.000.000đ / 160.000.000đ \times 100 = 112,5\% / 1 \text{ năm}$, vượt quá mức cho phép theo quy định pháp luật (20%) là 5,6 lần; Mức lãi suất Bùi Thị T được phép thu là $160.000.000đ \times 20\% = 32.000.000 \text{ đồng}$; Mức lãi suất Bùi Thị T thu lợi bất chính là $180.000.000 \text{ đồng} - 32.000.000 \text{ đồng} = 148.000.000 \text{ đồng}$.

1.2. Từ ngày 25/4/2021 (14/3/2021 âm lịch) đến ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch): $15.000.000đ \times 12 \text{ tháng} = 180.000.000đ$; Lãi suất cho vay là $180.000.000đ / 160.000.000đ \times 100 = 112,5\% / 1 \text{ năm}$, vượt quá mức cho phép theo quy định pháp luật (20%) là 5,6 lần; Tiền lãi Bùi Thị T được phép thu là $160.000.000đ \times 20\% = 32.000.000đ$. Tiền lãi Bùi Thị T nhằm thu lợi bất chính là $180.000.000 \text{ đồng} - 32.000.000 \text{ đồng} = 148.000.000 \text{ đồng}$.

1.3. Từ ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch) đến ngày 21/01/2023 (30/12/2022 âm lịch) là 9,5 tháng (Có 2 tháng nhuận): $15.000.000đ \times 9,5 \text{ tháng}$ nhưng các bên thỏa thuận chỉ tính 9 tháng là: $15.000.000đ \times 9 \text{ tháng} = 135.000.000 \text{ đồng}$; Lãi suất cho vay là $180.000.000đ / 160.000.000đ \times 100 = 112,5\% / 1 \text{ năm}$, vượt quá mức cho phép theo quy định pháp luật (20%) là 5,6 lần; Tiền lãi Bùi Thị T được phép thu là $160.000.000đ \times 20\% \times 9/12 = 24.000.000 \text{ đồng}$; Tiền lãi Bùi Thị T nhằm thu lợi bất chính là $135.000.000đ - 24.000.000đ = 111.000.000 \text{ đồng}$.

2. Đối với số lãi phát sinh từ khoản gốc (là tiền lãi phát sinh từ số tiền vay gốc 160.000.000đ ban đầu) (lãi con):

2.1. Từ ngày 25/4/2021 (14/3/2021 âm lịch) đến ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch) (Tiền gốc là 180.000.000 đồng): Tiền lãi là: $(180.000.000đ \times 5\%) \times 12 \text{ tháng} = 108.000.000 \text{ đồng}$. Lãi suất cho vay này không vượt mức cho phép trong

bộ luật hình sự; Tiền thu lợi bất chính là: $148.000.000 \times 12 \text{ tháng} \times 5\% = 88.800.000$ đồng.

2.2. Từ ngày 14/4/2022 (14/3/2022 âm lịch) đến ngày 21/01/2023 (30/12/2022 âm lịch) là 9,5 tháng (Có 2 tháng nhuận): Tiền lãi là: $(180.000.000đ + 108.000.000đ) \times 5\% \times 9,5 \text{ tháng} = 136.800.000$ đồng nhưng Bùi Thị T chỉ lấy là 136.000.000 đồng. Lãi suất cho vay này không vượt mức cho phép trong bộ luật hình sự.

Đến ngày 26/01/2023, số tiền lãi mà Bùi Thị T đã nhận được từ ông S bà H trả là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Còn số tiền gốc 160.000.000 đồng ông S, bà H chưa trả cho Bùi Thị T;

Như vậy, tổng số tiền lãi Bùi Thị T nhằm thu lợi là: 739.000.000 đồng; Tổng số tiền lãi nằm trong mức pháp luật cho phép thu là: 243.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi bất chính vợ chồng ông S, bà H phải trả cho Bùi thị T là: 495.800.000 đồng. Trong đó: Tiền lãi bất chính trong tổng số lãi từ số tiền vay gốc là: 407.000.000 đồng; Tiền thu lãi bất chính phát sinh từ số tiền lãi bất chính (lãi con) là: 88.800.000 đồng.

Bùi Thị T đã thu được số tiền lãi suất là 110.000.000 đồng do bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S trả, trong đó, 88.000.000 đồng là tiền lãi cho phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự, 22.000.000 đồng là tiền lãi bất chính; Còn 385.800.000 đồng chưa thu được do bị C an huyện A phát hiện bắt giữ nên chưa thu được.

* Vật chứng, đồ vật thu giữ và xử lý:

- Thu giữ của Bùi Thị T số tiền 10.000.000 đồng và 01 tờ giấy có dòng kẻ bắt đầu bằng chữ “Thanh vay 10.000.000”, kết thúc bằng chữ “100.000.000” trên mặt bàn ở phòng khách, được bảo quản, lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 10.000.000 đồng hiện nay đang gửi tại Kho bạc nhà nước huyện A theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Thị T: Thu giữ trong chiếc chum tại phòng ngủ nhà Bùi Thị T số tiền 96.700.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định là đây là tài sản của anh Nguyễn Xuân C, không liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Thị T nên cơ quan Cảnh sát điều tra - C an huyện A đã trả lại cho anh Nguyễn Xuân C số tiền này; Thu giữ trong túi xách tại phòng khách các tài liệu sau:

+ 01 (một) giấy bán nhà liền kề đất ngày 2/11/2021 có mục “Người viết giấy” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H;

+ 01 (một) giấy bán nhà ở tại chỗ và đất ngày 2/4/2021 có mục “Người bán” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H, Phạm Văn T, Cao Thị Hải Yến;

+ 01 (một) giấy bán nhà liền kề ngày 4/2/2021, kết thúc bằng dòng chữ “A, ngày 4 tháng 2 năm 2021.

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mực màu đen đề ngày 8/5/âm lịch (17/6/2021), bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu đen đề ngày 20/5 dương lịch, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 28/4 Âm lịch”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”; một mặt giấy bên trên có mực màu đen đề ngày 14/4/2020 ÂL, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 14/4/2020 ÂL”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mực màu xanh đề ngày 27/4/2022, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”;

+ 01 (một) giấy vay tiền, dưới mục “người nợ” có chữ “Phạm Hồng S”;

+ 01 (một) giấy khất tiền nợ đề ngày 8/10/canh T 2020, mang tên “Phạm Hồng S” và “Lê Thị H”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam”, kết thúc bằng chữ ký và số mang tên “Phạm Hồng S”; một mặt có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “tháng 4/2021” kết thúc bằng chữ “10.000.000” Thanh;

+ 01 (một) giấy khất nợ đề ngày 02/11/2021 mang tên Phạm Hồng S;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “A ngày 16/6/2021”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “GIẤY KHẤT NỢ”, kết thúc bằng chữ “(ba trăm bốn mươi triệu đồng)”; một mặt giấy bên trên có mực màu đỏ, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa chủ nghĩa việt nam ĐL-TD-HP”, kết thúc bằng chữ “còn 50 triệu đồng chẵn en hẹn 5 ngày en trả”;

+ 01(một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu đen, bắt đầu bằng chữ “14/10. 14/11” kết thúc bằng chữ “Lê Thị H”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ số “14/4/2020 -) 160.000.0000-)33t’-”, kết thúc bằng số “977”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “trước thanh vay”, kết thúc bằng số “100.000”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “Thanh vay trước 14/4/2020”, kết thúc bằng số “160.000.000”.

Các tài liệu trên được bảo quản, lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A, tỉnh Nghệ An, Bùi Thị T đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác của vụ án.

Cáo trạng số 24/CT-VKS-AS ngày 26/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự;

Luận tội tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Bùi Thị T từ 12 – 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Thị T.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Truy thu của Bùi Thị T số tiền lãi hợp pháp nhưng phát sinh từ tội phạm do bị cáo đã thu từ bà Lê Thị H là: 88.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước, trong đó có 10.000.000 đồng đã thu giữ.

- Buộc Bùi Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S số tiền đã thu lợi bất chính là: 22.000.000 đồng.

- Buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S có nghĩa vụ giao nộp số tiền vay gốc chưa trả cho Bùi Thị T là 160.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Các tài liệu là giấy tờ thu giữ trong túi xách của Bùi Thị T tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố. Đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ

không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Bùi Thị T khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng thời gian từ đầu tháng 5 năm 2020 đến ngày 26 tháng 01 năm 2023, tại thôn 8, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An, bị cáo Bùi Thị T đã có hành vi cho vợ chồng ông Phạm Hồng S, bà Lê Thị H vay tổng số tiền 160.000.000 đồng, với mức lãi suất 15.000.000 đồng/tháng, tương ứng với 9,375%/1 tháng, 112,5%/1 năm. Bị cáo đã cho vay tiền với mức lãi suất này gấp 5,625 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/1 năm), nhằm thu lợi bất chính số tiền 495.800.000 đồng của bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S. Đến khoảng 21 giờ, ngày 26/01/2023, khi Bùi Thị T đang thu số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi suất do bà Lê Thị H trả tại nhà Bùi Thị T thì bị C an huyện A, tỉnh Nghệ An phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền lãi suất Bùi Thị T đã thu được của ông Phạm Hồng S và bà Lê Thị H trả từ ngày vay đến ngày 26/01/2023 là 110.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Số tiền 10.000.000 đồng và 01 tờ giấy có dòng kẻ bắt đầu bằng chữ “Thanh vay 10.000.000”, kết thúc bằng chữ “100.000.000” trên mặt bàn ở tại phòng khách nhà Bùi Thị T.

- Thu giữ trong chiếc chum tại phòng ngủ nhà Bùi Thị T số tiền 96.700.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Thu giữ trong túi xách tại phòng khách nhà Bùi Thị T các tài liệu sau:

- + 01 (một) giấy bán nhà liền kề đất ngày 2/11/2021 có mục “Người viết giấy” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H;

- + 01 (một) giấy bán nhà ở tại chỗ và đất ngày 2/4/2021 có mục “Người bán” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H, Phạm Văn T, Cao Thị Hải Yến;

- + 01 (một) giấy bán nhà liền kề ngày 4/2/2021, kết thúc bằng dòng chữ “A, ngày 4 tháng 2 năm 2021.

- + 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mực màu đen đề ngày 8/5/âm lịch (17/6/2021), bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”;

- + 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu đen đề ngày 20/5 dương lịch, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 28/4 Â lịch”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”; một mặt giấy bên trên có mực màu đen đề ngày 14/4/2020 ÂL, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 14/4/2020 ÂL”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mực màu xanh đề ngày 27/4/2022, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”;

+ 01 (một) giấy vay tiền, dưới mực “người nợ” có chữ “Phạm Hồng S”;

+ 01 (một) giấy khất tiền nợ đề ngày 8/10/canh T 2020, mang tên “Phạm Hồng S” và “Lê Thị H”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam”, kết thúc bằng chữ ký và số mang tên “Phạm Hồng S”; một mặt có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “tháng 4/2021” kết thúc bằng chữ “10.000.000” Thanh;

+ 01 (một) giấy khất nợ đề ngày 02/11/2021 mang tên Phạm Hồng S;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “A ngày 16/6/2021”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “GIẤY KHẤT NỢ”, kết thúc bằng chữ “(ba trăm bốn mươi triệu đồng)”; một mặt giấy bên trên có mực màu đỏ, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa chủ nghĩa việt nam ĐL-TD-HP”, kết thúc bằng chữ “còn 50 triệu đồng chẵn en hện 5 ngày en trả”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu đen, bắt đầu bằng chữ “14/10. 14/11” kết thúc bằng chữ “Lê Thị H”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ số “14/4/2020 -) 160.000.0000-33t’-”, kết thúc bằng số “977”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “trước thanh vay”, kết thúc bằng số “100.000”;

+ 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “Thanh vay trước 14/4/2020”, kết thúc bằng số “160.000.000”.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận, Bùi Thị T đã có hành vi cho bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S vay tiền với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm thu lợi bất chính số tiền 495.800.000 đồng. Đến thời điểm bị phát hiện thì bị cáo đã thu được 110.000.000 đồng tiền lãi suất.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án do một mình bị cáo thực hiện, không có đồng phạm khác. Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại không lớn cho xã hội nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng nói riêng. Bị cáo nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp

luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Động cơ, mục đích phạm tội là nhằm thu lợi bất chính tiền của nhân dân, làm cho nhân dân lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế, nợ nần chồng chất, gia đình lâm vào tình trạng khủng hoảng tinh thần, vật chất do phải trả lãi suất cao. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi bị phát hiện thì đã đến C an đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra. Bên cạnh đó, bị cáo có bố là người có C với cách mạng được Nhà Nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cao quý; Tham gia nghĩa vụ quốc tế tại nước bạn Lào; Bố chồng là ông Nguyễn Văn Bền là Liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ. Nên bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện tại bị cáo là người cao tuổi và đang bị bệnh thoát vị đĩa đệm mức độ 4. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người chấp hành tốt pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người cao tuổi, không có thu nhập, không có tài sản riêng gì và đang bị bệnh phải điều trị thường xuyên nên cần xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về hành vi liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này, ông Nguyễn Xuân S cùng bà Bùi Thị T cho anh Phạm Văn T vay số tiền 10.000.000 đồng, nhưng không xác định mức lãi suất; Còn các lần vay khác bà H và ông S vay đều thông qua giao dịch với Bùi Thị T, ông S không biết. Mặc dù, ông S có tham gia đòi nợ ông S, bà H nhưng ông S không biết thực tế việc Bùi Thị T cho vay với mức lãi suất bao nhiêu. Bên cạnh đó, ông S không được hưởng lợi gì từ việc bị cáo cho vay lãi nặng, tiền lãi thu được bị cáo sử dụng mục đích riêng của cá nhân bị cáo. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện A không xử lý hình sự đối với ông Nguyễn Xuân S là đúng pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Về tổng số tiền gốc 160.000.000 đồng, Bùi Thị T cho ông S, bà H vay: Theo Bùi Thị T khai nhận đưa cho bà H, ông S số tiền vay gốc thực tế là 156.500.000 đồng (Vị trừ đi 3.500.000 đồng tiền thiệt hại khi rút tiền từ sổ tiết kiệm); Còn bà H, ông S khai nhận Bùi Thị T chỉ đưa số tiền vay gốc thực tế là 132.800.000

đồng (Vì trừ đi 4.700.000 đồng tiền thiệt hại khi rút tiền từ sổ tiết kiệm và 22.500.000 đồng tiền lãi suất tháng đầu tiên). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bên không thống nhất số tiền đã giao nhận khi vay và không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là hợp pháp. Vì vậy, căn cứ tài liệu là các giấy vay tiền đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định Bùi Thị Thị T đã cho bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S vay số tiền gốc là: 160.000.000 đồng. Số tiền này là C cụ, phương tiện phạm tội, người vay chưa trả nên cần buộc người vay là ông Phạm Hồng S và bà Lê Thị H nộp số tiền 160.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với số tiền lãi bị cáo đã thu được là 110.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi được phép thu là 88.000.000 đồng nhưng số tiền này phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra đang tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng, nay cần tiếp tục thu giữ, nên cần buộc bị cáo phải nộp số tiền còn lại là 78.000.000 đồng. Tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính của ông S bà H là 22.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo trả lại cho ông S bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[7] Về việc xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ những vật chứng cần xử lý như sau:

- Số tiền 10.000.000 đồng là tiền lãi suất thu giữ của bị cáo là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 96.700.000 đồng quá trình điều tra xác định được là tiền của anh Nguyễn Xuân C, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Xuân C là đúng pháp luật.

- 01 tờ giấy có dòng kẻ bắt đầu bằng chữ “Thanh vay 10.000.000”, kết thúc bằng chữ “100.000.000”; 01 (một) giấy bán nhà liền kề đất ngày 2/11/2021 có mục “Người viết giấy” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H; 01 (một) giấy bán nhà ở tại chỗ và đất ngày 2/4/2021 có mục “Người bán” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H, Phạm Văn T, Cao Thị Hải Yến; 01 (một) giấy bán nhà liền kề ngày 4/2/2021, kết thúc bằng dòng chữ “A, ngày 4 tháng 2 năm 2021; 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mục màu đen đề ngày 8/5/âm lịch (17/6/2021), bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”; 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mục màu đen đề ngày 20/5 dương lịch, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 28/4 Âm lịch”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”; một mặt giấy bên trên có mục màu đen đề ngày 14/4/2020 Âm lịch, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 14/4/2020 Âm lịch”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”; 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mục màu xanh đề ngày 27/4/2022, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ

“Phạm Văn T”; 01 (một) giấy vay tiền, dưới mục “người nợ” có chữ “Phạm Hồng S”; 01 (một) giấy khất tiền nợ đề ngày 8/10/canh T 2020, mang tên “Phạm Hồng S” và “Lê Thị H”; 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam”, kết thúc bằng chữ ký và số mang tên “Phạm Hồng S”; một mặt có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “tháng 4/2021” kết thúc bằng chữ “10.000.000” Thanh; 01 (một) giấy khất nợ đề ngày 02/11/2021 mang tên Phạm Hồng S; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “A ngày 16/6/2021”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”; 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “GIẤY KHẤT NỢ”, kết thúc bằng chữ “(ba trăm bốn mươi triệu đồng)”; một mặt giấy bên trên có mực màu đỏ, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa chủ nghĩa việt nam ĐL-TD-HP”, kết thúc bằng chữ “còn 50 triệu đồng chẵn en hẹn 5 ngày en trả”; 01(một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu đen, bắt đầu bằng chữ “14/10. 14/11” kết thúc bằng chữ “Lê Thị H”; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ số “14/4/2020 -) 160.000.0000-33t’-”, kết thúc bằng số “977”; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “trước thanh vay”, kết thúc bằng số “100.000”; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “Thanh vay trước 14/4/2020”, kết thúc bằng số “160.000.000” thu giữ tại nhà Bùi Thị T. Những tài liệu này liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; Điều i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Thị T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/5/2023). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Thị T.

Giao bị cáo Bùi Thị T cho UBND xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự).

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Bùi Thị T phải nộp số tiền: 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Thị T phải trả cho bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S số tiền: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

- Buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Hồng S phải nộp số tiền 160.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

3.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Bùi Thị T (Theo biên bản giao nhận tài sản số 05/2023/BBBG-CAHAS ngày 30/3/2023).

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 tờ giấy có dòng kẻ bắt đầu bằng chữ “Thanh vay 10.000.000”, kết thúc bằng chữ “100.000.000”; 01 (một) giấy bán nhà liền kề đất ngày 2/11/2021 có mục “Người viết giấy” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H; 01 (một) giấy bán nhà ở tại chỗ và đất ngày 2/4/2021 có mục “Người bán” mang tên Phạm Hồng S, Lê Thị H, Phạm Văn T, Cao Thị Hải Yến; 01 (một) giấy bán nhà liền kề ngày 4/2/2021, kết thúc bằng dòng chữ “A, ngày 4 tháng 2 năm 2021; 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mực màu đen đề ngày 8/5/âm lịch (17/6/2021), bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”; 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu đen đề ngày 20/5 dương lịch, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 28/4 Âm lịch”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”; một mặt giấy bên trên có mực màu đen đề ngày 14/4/2020 Âm lịch, bắt đầu bằng chữ “Hôm nay là ngày 14/4/2020 Âm lịch”, kết thúc bằng chữ “Phạm Hồng S”; 01 (một) giấy dòng kẻ, bên trên có mực màu xanh đề ngày 27/4/2022, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”; 01 (một) giấy vay tiền, dưới mục “người nợ” có chữ “Phạm Hồng S”; 01 (một) giấy khất tiền nợ đề ngày 8/10/canht T 2020, mang tên “Phạm Hồng S” và “Lê Thị H”; 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, kết thúc bằng chữ ký và số mang tên “Phạm Hồng S”; một mặt có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “tháng 4/2021” kết thúc bằng chữ “10.000.000” Thanh; 01 (một) giấy khất nợ đề ngày 02/11/2021 mang tên Phạm Hồng S; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “A ngày 16/6/2021”, kết thúc bằng chữ “Phạm Văn T”; 01 (một) giấy dòng kẻ, một mặt giấy bên trên có mực màu xanh và đen, bắt đầu bằng chữ “GIẤY KHẮT NỢ”, kết thúc bằng chữ

“(ba trăm bốn mươi triệu đồng)”); một mặt giấy bên trên có mực màu đỏ, bắt đầu bằng chữ “Cộng hòa chủ nghĩa việt nam ĐL-TD-HP”, kết thúc bằng chữ “còn 50 triệu đồng chẵn en hẹn 5 ngày en trả”; 01(một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu đen, bắt đầu bằng chữ “14/10. 14/11” kết thúc bằng chữ “Lê Thị H”; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ số “14/4/2020 -) 160.000.0000-)33t’-)”, kết thúc bằng số “977”; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “trước thanh vay”, kết thúc bằng số “100.000”; 01 (một) giấy dòng kẻ bên trên có mực màu xanh, bắt đầu bằng chữ “Thanh vay trước 14/4/2020”, kết thúc bằng số “160.000.000” thu giữ tại nhà Bùi Thị T.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- C an huyện A
- Chi cục THADS Anh S;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh S Phạm Thị Thúy Hằng S Thị Lệ Hằng

